

BỘ TÀI CHÍNH
Số: 96/1998/TT-BTC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 1 tháng 7 năm 1998

THÔNG TƯ

Hướng dẫn việc quản lý và sử dụng vốn vay tín dụng hỗn hợp ưu đãi của Đan Mạch

Căn cứ Nghị định 87/CP ngày 5 tháng 8 năm 1997 của Chính phủ ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA).

Căn cứ vào Hiệp định khung về cấp tín dụng hỗn hợp kỹ giữa Chính phủ Đan Mạch và Chính phủ Việt Nam ngày 30/5/1995 trị giá 50 triệu USD (sau đây gọi tắt là Hiệp định).

Căn cứ Biên bản ghi nhớ ký ngày 12/4/1998 giữa Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Ngoại giao Đan Mạch (sau đây gọi tắt là DANIDA) về điều kiện mới của tín dụng hỗn hợp Đan Mạch dành cho Việt Nam (sau đây gọi tắt là Biên bản).

Thực hiện quyết định của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế tài chính trong nước áp dụng đối với dự án tín dụng Đan Mạch tại Công văn số 666/CP-QHQT ngày 17/6/1998 của Chính phủ. Bộ Tài chính hướng dẫn việc quản lý và sử dụng vốn tín dụng hỗn hợp ưu đãi Đan Mạch theo các văn bản trên như sau:

A. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG:

- Nguồn vốn tín dụng hỗn hợp Đan Mạch là khoản vay nợ nước ngoài của Chính phủ. Vì vậy, toàn bộ tiền vay được hạch toán vào ngân sách nhà nước. Bộ Tài chính có trách nhiệm trả nợ cho phía nước ngoài khi đến hạn (bao gồm cả nợ gốc và các khoản phải trả khác).
- Các chủ đầu tư có trách nhiệm sử dụng vốn đúng mục đích, phù hợp với các điều kiện quy định trong các thoả thuận đã ký với Đan Mạch và hoàn trả cho Ngân sách Nhà nước (đối với các dự án thuộc diện cho vay lại) theo đúng quy định tại Hợp đồng vay lại ký với Tổng cục Đầu tư phát triển.

3. Tổng cục Đầu tư phát triển chịu trách nhiệm thực hiện việc quản lý cho vay lại và thu hồi nợ đối với các chủ dự án và được hưởng phí cho vay lại vốn tín dụng Nhà nước theo quy định hiện hành.

4. Bộ Tài chính sẽ phối hợp với Ngân hàng Nhà nước để chỉ định một Ngân hàng thương mại thích hợp để thực hiện các nghiệp vụ giao dịch đối ngoại cho các dự án.

B. NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ:

I. CÁC BƯỚC TRIỂN KHAI DỰ ÁN:

1. Đối với các dự án đã được Chính phủ chấp thuận đưa vào danh mục đề nghị phía Đan Mạch tài trợ, các chủ đầu tư tiến hành lập báo cáo nghiên cứu khả thi và trình duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi theo quy định tại Nghị định số 42/CP ngày 16/7/1996 và Nghị định số 92/CP ngày 23/8/1997 của Chính phủ.

Tất cả các dự án đã được Chính phủ chấp thuận đưa vào danh mục đề nghị tài trợ đều phải được DANIDA phê chuẩn trên cơ sở đánh giá báo cáo nghiên cứu khả thi do chủ đầu tư chuẩn bị về các mặt: phân tích tài chính, các vấn đề về xã hội, môi trường và các vấn đề khác. Phê duyệt cuối cùng về dự án của DANIDA sẽ được dựa trên báo cáo khả thi và hợp đồng thương mại đã được phê duyệt của phía Việt Nam. Chủ đầu tư có trách nhiệm gửi Báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư để đề nghị DANIDA thẩm định và phê duyệt.

2. Sau khi có quyết định đầu tư của cấp có thẩm quyền các chủ đầu tư tiến hành đấu thầu theo quy định hiện hành của Chính phủ. Căn cứ kết quả đấu thầu được cấp có thẩm quyền phê duyệt, tiến hành đàm phán, ký kết Hợp đồng thương mại với Nhà cung cấp.

Trong quá trình đàm phán, ký kết Hợp đồng thương mại các chủ đầu tư cần thực hiện các quy định của Đan Mạch như sau:

Đối với các dự án công nghiệp do Đan Mạch chỉ tài trợ tối đa 85% trị giá của Hợp đồng thương mại nên 15% trị giá còn lại của hợp đồng thương mại các chủ đầu tư phải tự bố trí vốn. Các dự án thuộc lĩnh vực khác có thể được tài trợ đến 100% trị giá của hợp đồng thương mại.

Trong Hợp đồng thương mại cần quy định rõ việc Ngân hàng phục vụ nhà cung cấp Đan Mạch cấp các bảo lãnh thanh toán tiền đặt cọc (Down payment Bank Guarantee) và bảo lãnh thực hiện Hợp đồng (Performance Bond/Guarantee).

Chủ đầu tư phải gửi một bản sao của Hợp đồng thương mại được duyệt cùng với báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo về chuẩn bị vốn đối ứng và chuẩn bị đầu tư kèm theo công văn đề nghị Bộ Tài chính có yêu cầu chính thức phía Đan Mạch tài trợ cho dự án.

3. Bộ Tài chính (Vụ Tài chính đối ngoại) trên cơ sở đề nghị của chủ đầu tư sẽ ký kết các hiệp định vay cụ thể cho từng dự án (dưới đây gọi tắt là Hiệp định dự án) với tổ chức tín dụng do Chính phủ Đan Mạch chỉ định.

4. Sau khi nhận được thông báo của Bộ Tài chính về việc đã hoàn thành các thủ tục theo quy định để rút vốn, Ngân hàng thương mại chỉ định có trách nhiệm hướng dẫn chủ đầu tư thực hiện các thủ tục mở thư tín dụng (L/C) và rút vốn theo các quy định tại Hiệp định vay cho từng dự án đã ký (dưới đây gọi tắt là Hiệp định vay dự án).

II. CƠ CHẾ TÀI CHÍNH

Căn cứ vào các dự án được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo danh mục đợt I (Công văn số 1443/QHQT ngày 30/3/1996 của Chính phủ) và danh mục đợt II (Công văn số 4659/QHQT ngày 18/9/1997 của Chính phủ) được đính kèm tại phụ lục I và II Thông tư này;

Cơ chế tài chính đối với các dự án thuộc các danh mục trên được thực hiện theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 666/CP-QHQT ngày 17/6/1998, cụ thể như sau:

1. Các dự án được Ngân sách nhà nước cấp phát bao gồm: Dự án trang thiết bị trung tâm truyền hình kỹ thuật số Đài phát thanh và truyền hình Thanh Hoá; dự án cấp nước tại một số thị trấn các huyện miền núi tỉnh Nghệ An; dự án cấp nước thị trấn huyện miền núi Nho Quan tỉnh Ninh Bình.

2. Các dự án thuộc diện cho vay lại được áp dụng các điều kiện cho vay lại như sau:

a. Thời hạn cho vay lại bằng với thời hạn Đan Mạch cho Việt Nam vay (tối đa là 8 năm đối với các dự án công nghiệp và 10 năm đối với các dự án hạ tầng cơ sở, môi trường, xã hội).

b. Lãi suất cho vay lại: Đối với các dự án thuộc danh mục đợt I và II đã được Thủ tướng Chính phủ duyệt được thực hiện như sau:

Các dự án được vay lại với lãi suất 1%/năm (lãi suất cho vay lại này đã bao gồm cả phí cho vay lại của Tổng cục Đầu tư phát triển là 0,2%/năm và các loại phí ngoài nước theo quy định

của Hiệp định vay do Bộ Tài chính chuyển trả trực tiếp cho phía nước ngoài) gồm:

Các dự án xây dựng đội tàu đánh bắt thủy sản xa bờ.

Dự án cấp nước các thị xã: Sơn Tây (danh mục đợt I), Phủ Lý (Hà Nam), Tân An (Long An), Vĩnh Yên (Vĩnh Phúc), Tam Điệp (Ninh Bình) và dự án cải tạo hệ thống đường ống cũ cấp nước Hà Nội (danh mục đợt II).

Các dự án được vay lại với lãi suất 2%/năm (lãi suất cho vay lại này đã bao gồm cả phí cho vay lại của Tổng cục Đầu tư phát triển là 0,2%/năm và các loại phí ngoài nước theo quy định của Hiệp định vay do Bộ Tài chính chuyển trả trực tiếp cho phía nước ngoài) gồm:

Các dự án nâng cấp các nhà máy chế biến thủy sản.

Dự án mua sắm thiết bị chiếu sáng sân bay.

Các dự án chế biến nông sản thực phẩm, chế biến thức ăn gia súc.

Lãi được trả 6 tháng một lần theo quy định cụ thể trong Hợp đồng tín dụng ký giữa chủ đầu tư và Tổng cục Đầu tư phát triển (vào 30/6 và 31/12 hoặc 31/3 và 30/9 hàng năm). Nếu trả chậm các chủ đầu tư phải chịu lãi phạt chậm trả theo quy định trong Hợp đồng tín dụng, nhưng không được thấp hơn mức lãi phạt chậm trả quy định trong Hiệp định vay dự án.

c. Đối với các dự án tiếp tục được Thủ tướng Chính phủ duyệt đưa vào danh mục trong thời gian tới, Bộ Tài chính sẽ trình Chính phủ điều kiện cho vay lại căn cứ vào tính chất và đặc điểm từng dự án và thông báo cho các chủ đầu tư thực hiện.

4. Chứng từ để ký khế ước nhận nợ giữa các chủ đầu tư với Tổng cục Đầu tư phát triển là hoá đơn tương ứng của các người cung cấp Đơn Mạch và giấy báo nợ của phía Đơn Mạch.

Thời điểm các chủ đầu tư nhận nợ với Bộ Tài chính (Tổng cục Đầu tư phát triển) là thời điểm phía Đơn Mạch ghi nợ cho Bộ Tài chính. Số tiền các chủ dự án nhận nợ là số tiền phía Đơn Mạch ghi nợ cho Bộ Tài chính.

5. Việc bố trí vốn đối ứng cho các dự án thực hiện theo quy định tại Điều 23 mục 2 Quy chế quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức ban hành kèm theo Nghị định 87/CP ngày 5/8/1997 của Chính phủ, cụ thể như sau:

Đối với các dự án được Ngân sách nhà nước cấp phát: vốn đối ứng do Ngân sách nhà nước đảm bảo theo kế hoạch vốn đối ứng hàng năm.